

Số: /QĐ-UBND

Triệu Sơn, ngày tháng năm 2021

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng  
Công trình: Cổng, tường rào, nhà bảo vệ, nhà Văn hóa – Thể thao, nhà thi  
đấu, tháp Ăng ten**

**Thuộc dự án: Khu Văn hóa – Thể thao huyện Triệu Sơn**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/06/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 23/11/2020 của HĐND huyện Triệu Sơn khóa XVII, kỳ họp thứ 15 về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án Khu Văn hóa – Thể thao huyện Triệu Sơn;*

*Căn cứ Quyết định số 1074/QĐ-UBND ngày 16/3/2021 của Chủ tịch UBND huyện về việc phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án khu Văn hóa – Thể thao huyện Triệu Sơn;*

*Căn cứ Công văn số 10946/UBND-THKH ngày 27/7/2021 của UBND tỉnh về việc đầu tư hạng mục nhà trung tâm Văn hóa - Thể thao và nhà luyện tập thể thao thuộc Khu Văn hóa - Thể thao huyện Triệu Sơn;*

*Theo đề nghị của Phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Báo cáo kết quả thẩm định số 224/TĐ-KTHT ngày 22/8/2021 và Ban QLDA ĐTXD huyện tại Tờ trình số 413/TTr-BQLDA ngày 19/8/2021 (kèm theo kết quả thẩm tra thiết kế, dự toán công trình tại Văn bản số 639/TTKĐ-TVXD ngày 17/8/2021 của Trung tâm kiểm định chất lượng xây dựng Thanh Hóa).*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình cổng, tường rào, nhà bảo vệ, nhà Văn hóa – Thể thao, nhà thi đấu, tháp Ăng ten, thuộc dự án khu Văn hóa – Thể thao huyện Triệu Sơn với các nội dung chủ yếu sau:

- 1. Người phê duyệt:** Chủ tịch UBND huyện Triệu Sơn.
- 2. Tên công trình:** Cổng, tường rào, nhà bảo vệ, nhà Văn hóa – Thể thao, nhà thi đấu, tháp Ăng ten.
- 3. Thuộc dự án:** Khu Văn hóa – Thể thao huyện Triệu Sơn.
- 4. Loại, cấp công trình:** Công trình dân dụng, cấp III.
- 5. Địa điểm xây dựng:** Thị trấn Triệu Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.
- 6. Chủ đầu tư:** UBND huyện Triệu Sơn.
- 7. Nhà thầu khảo sát, lập thiết kế BVTC và DT:** Liên danh công ty CP Alpha 94 và Công ty CP tư vấn ĐTXD Thăng Long.
- 8. Nhà thầu thẩm tra:** Trung tâm kiểm định chất lượng xây dựng Thanh Hóa.
- 9. Giải pháp thiết kế chủ yếu:**
  - 9.1. Cổng, tường rào:**
    - Cổng chính rộng 6,22m, cao 5,95m, cánh cổng bằng thép hộp 40x60x1.5mm, thép vuông 10x10mm, thép dẹt dày 3mm. Trụ cổng chính kích thước 0,95x0,95m cao 4,36m, trụ cổng bằng BTCT đá 1x2 M200, xây bao bằng gạch không nung. Móng trụ cổng sử dụng móng đơn bằng BTCT đá 1x2 M200, kích thước móng 1,5x1,5m.
    - Cổng phụ rộng 4,48m, cao 2,85m, cánh cổng bằng thép hộp 40x60x1.5mm, thép vuông 10x10mm, thép dẹt dày 3mm. Trụ cổng chính kích thước 0,44x0,44m cao 2,5m, trụ cổng bằng BTCT đá 1x2 M200, xây bao bằng gạch không nung. Móng trụ cổng sử dụng móng đơn bằng BTCT đá 1x2 M200, kích thước móng 1,08x1,08m.
    - Tường rào: Tường rào cao 1,8m, trong đó phía dưới xây gạch cao 0,5m, phía trên bằng hoa sắt cao 1,3m. Trụ tường rào bằng BTCT, bên ngoài xây gạch, kích thước 0,34x0,34m, khoảng cách trụ tường rào 3,0m.
  - 9.2. Nhà bảo vệ:**
    - a) Giải pháp kiến trúc:
      - Quy mô công trình 01 tầng, mặt bằng công trình hình chữ nhật kích thước 3,5x3,5m. Chiều cao công trình tính từ cos 0,000m đến đỉnh mái là 4,7m, trong đó: chiều cao tầng 3,0m, chiều cao phần mái 1,5m; cốt nền nhà cao hơn so với cốt sân là 0,2m.
      - Nền lát gạch Ceramic 400x400mm. Tường xây gạch không nung VXM M50, bề mặt tường, trần trát vữa xi măng, lăn sơn hoàn thiện. Mái xây tường thu hồi, gác xà gồ thép thép, lợp tôn.
    - b) Giải pháp kết cấu:
      - Phần móng: sử dụng móng xây gạch đặc không nung VXM M75, chiều rộng đáy móng 0,66m, chiều sâu chôn móng 2,7m. Giằng móng BTCT đá 1x2 M200 đổ tại chỗ, tiết diện 200x220mm.
      - Phần thân: Nhà kết cấu tường chịu lực, dầm sàn mái bằng BTCT đổ liền khối đá 1x2 M200, tiết diện dầm điển hình 220x300mm. Sàn BTCT dày 100mm.

c) Phần điện:

Hệ thống điện lấy từ nguồn điện trạm biến áp khu vực. Sau đó cấp cho thiết bị điện, sử dụng hệ dây dẫn điện đi ngầm trong tường, trần và luồn trong ống bảo vệ.

**9.3. Nhà Văn hóa – Thể thao:**

a) Giải pháp kiến trúc:

- Quy mô công trình 03 tầng, mặt bằng công trình hình chữ nhật kích thước 10,2x37,0m. Chiều cao công trình tính từ cos 0,000m đến đỉnh mái là 16,75m, trong đó: chiều cao tầng 1, 2, 3 là 3,6m, chiều cao phần tum, mái là 5,5m. Cốt nền nhà cao hơn so với cốt sân là 0,45m.

- Mặt bằng tầng 1 bố trí: 01 phòng thư viện, 01 phòng kho, 01 phòng HCTH, 02 phòng đội tuyên truyền lưu động, khu vực cầu thang, hành lang và khu vệ sinh nam nữ riêng biệt. Mặt bằng tầng 2 bố trí: 01 phòng truyền thống, 01 phòng phó giám đốc, 01 phòng làm việc, 01 phòng thể dục, 01 phòng du lịch, khu vực cầu thang, hành lang và khu vệ sinh nam nữ riêng biệt. Mặt bằng tầng 3 bố trí: 01 phòng hội trường, 01 phòng văn hóa nghệ thuật, 01 phòng dựng chương trình, 01 phòng studio, 01 phòng máy phát sóng, khu vực cầu thang, hành lang và khu vệ sinh nam nữ riêng biệt.

- Tường xây gạch không nung VXM M50, bề mặt tường, trần trát vữa xi măng, lăn sơn hoàn thiện. Bậc thang bề mặt lát đá Granit, lan can bằng Inox. Hệ thống cửa sử dụng cửa kính khung nhựa lõi thép, cửa chống cháy. Nền phòng hành lang các tầng lát gạch Ceramic 600x600mm. Nền khu vệ sinh lát gạch Ceramic chống trơn 300x300mm, tường ốp gạch Ceramic 300x600mm cao 2,7m, trần đóng trần nhựa xương nhôm. Tam cấp lát đá granite.

- Mái đổ sàn BTCT, phía trên xây tường thu hồi, gác xà gỗ thép, lợp tôn.

b) Giải pháp kết cấu:

- Phần móng sử dụng móng băng BTCT M250 đá 1x2, chiều rộng móng 1,2m và 1,6m, chiều sâu móng tính từ cốt +0.000 đến đáy móng là 3,45m.

- Phần thân sử dụng khung cột, dầm, sàn BTCT đá 1x2 M250 đổ tại chỗ. Tiết diện cột điển hình: 220x220mm; 220x300mm; 220x400mm,.... Tiết diện dầm điển hình: 220x350mm; 220x450mm; 220x550mm,.... Sàn BTCT các tầng dày 120mm.

c) Phần điện, chống sét, điều hòa, mạng Lan, Internet:

- Hệ thống điện lấy từ nguồn điện trạm biến áp khu vực. Sau đó cấp cho thiết bị quạt, ổ cắm, điều hòa, chiếu sáng sử dụng hệ dây dẫn điện đi ngầm trong tường, trần và luồn trong ống bảo vệ.

- Hệ thống chống sét sử dụng kim thu sét D16 bố trí trên mặt của công trình. Dây dẫn sét thép D12, dây tiếp địa thép dẹt 40x4, cọc tiếp địa thép 63x63x6.

- Hệ thống Camera: Camera được bố trí khu vực hành lang đảm bảo góc nhìn tối ưu. Sử dụng bộ đầu ghi cho phép ghi chép dữ liệu và màn hình hiện thị hình ảnh có độ phân giải cao.

- Hệ thống mạng Lan, Internet: tuyến cáp do nhà phân phối dịch vụ các tới các thiết bị xử lý tín hiệu mạng, sau đó phân phối theo đường truyền mạng đầu nối tới các phòng thông qua các zắc mạng và thiết bị phát Wifi.

d) Phần cấp thoát nước:

- Cấp nước: Nước cấp cho công trình được lấy từ bể ngầm bơm lên téc nước trên mái và cấp xuống thiết bị dùng nước tại khu vệ sinh.

- Thoát nước thải từ xí, tiểu được thu vào hệ thống đường ống riêng qua bể tự hoại xử lý và thoát ra rãnh thoát nước chung. Nước thải từ chậu rửa, lavabo được thu vào đường ống và thải trực tiếp ra rãnh thoát nước bên ngoài. Ống thoát nước sử dụng ống nhựa PVC. Nước mưa trên mái được thu về sân xung quanh mái, vào các ống đứng thoát nước PVC và thải ra rãnh thoát nước bên ngoài.

e) Phần Phòng cháy chữa cháy:

- Lắp đặt hệ thống báo cháy, báo nhiệt tự động; lắp đặt bình chữa cháy, tiêu lệnh, nội quy chữa cháy.

- Lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ lối thoát nạn Exit.

- Bố trí thang sắt thoát hiểm ngoài nhà.

**9.4. Nhà thi đấu:**

a) Giải pháp kiến trúc:

- Quy mô công trình 02 tầng, mặt bằng công trình hình chữ nhật, kích thước 48,6x65,4m. Chiều cao công trình tính từ cos 0,000m đến đỉnh mái là 18,85m, trong đó: chiều cao tầng 1 là 3,75m, chiều cao tầng 2 là 9,5m, chiều cao phần tum, mái là 5,6m. Cốt nền nhà cao hơn so với cốt sân là 0,75m.

- Mặt bằng tầng 1 bố trí: 01 khu vực sân thi đấu, 01 phòng truyền thống, 02 phòng gửi đồ, 01 phòng tiếp khách, 01 phòng ban quản lý, 01 phòng kỹ thuật, 01 phòng trọng tài, 01 phòng nhân viên, 01 phòng dự bị, 02 phòng vận động viên (có vệ sinh và thay đồ riêng), 01 phòng huấn luyện viên, 01 phòng y tế, 01 phòng kho dụng cụ, 02 khu vệ sinh nam nữ riêng biệt, 04 cầu thang bộ và khu hành lang sảnh. Mặt bằng tầng 2 bố trí: khu vực khán đài 1500 chỗ, 04 cầu thang bộ và khu hành lang.

- Tường xây gạch không nung VXM M75, bề mặt tường, trần trát vữa xi măng, lăn sơn hoàn thiện. Bề mặt tường ngoài nhà một số vị trí ốp đá. Nền khu vực sân thi đấu bằng sàn nhựa, nền các khu vực phòng chức năng lát gạch Ceramic 600x600mm. Nền khu vệ sinh lát gạch Ceramic chống trơn 300x300mm, tường ốp gạch Ceramic 300x600mm cao 2,1m, trần đóng trần thạch cao chịu nước. Sàn khu vực khán đài láng vữa xi măng, mài mòn sơn 1 nước lót + 2 nước phủ. Tam cấp bề mặt lát đá granite. Bậc cầu thang bề mặt lát đá Granit, lan can bằng Inox.

- Hệ thống cửa đi sử dụng cửa kính cường lực, cửa kính khung nhôm hệ, cửa chống cháy. Hệ thống cửa sổ, vách kính cửa kính khung nhôm hệ.

- Mái khu vực sân thi đấu sử dụng hệ giàn vì kèo thép, xà gồ thép, lợp tôn. Mái khu vực hành lang, phòng sử dụng sàn BTCT, phía trên quét chống thấm, bề mặt láng vữa xi măng.

b) Giải pháp kết cấu:

- Phần móng công trình sử dụng móng cọc BTCT, bê tông cọc M250 đá 1x2, bê tông đài móng, dầm móng M300 đá 1x2. Cọc tiết diện 0,25x0,25m; chiều dài cọc 18,0m gồm 3 đoạn. Sức chịu tải của cọc: 30 tấn. Đài cọc kích

thước: 1,25x1,25m, 1,55x1,55m, 1,25x2,0m,... Dầm móng kích thước: 300x500mm, 440x500mm,...

- Phần thân sử dụng khung cột, dầm, sàn BTCT đá 1x2 M300 đổ tại chỗ. Tiết diện cột điển hình: 220x350mm; 300x350mm, 350x650mm, D900mm,... Tiết diện dầm điển hình: 220x400mm, 220x500mm; 220x600mm; 220x700mm, 220x800mm, 220x1200mm,... Giàn vì kèo thép mái khẩu độ 40m, tiết diện thanh thép: D90x3mm, D110x4mm, D250x9mm,... (thực hiện thí nghiệm thử tải đối với khung K1 trước khi lắp dựng toàn bộ kèo thép). Sàn các tầng bằng BTCT dày 150mm.

c) Phần điện, chống sét, điều hòa, thông gió:

- Hệ thống điện lấy từ nguồn điện trạm biến áp khu vực. Sau đó cấp cho thiết bị điện, ổ cắm, điều hòa, chiếu sáng sử dụng hệ dây dẫn điện đi ngầm trong tường, trần và luồn trong ống bảo vệ.

- Hệ thống chống sét sử dụng kim thu sét phát xạ sớm  $R_p=107m$ , cao 5,0m, đặt trên mái của công trình. Cáp đồng dẫn sét Cu-70, dây tiếp địa thép dẹt 40x4, cọc tiếp địa thép D16.

- Hệ thống điều hòa, thông gió bố trí phù hợp quy mô từng phòng.

- Hệ thống Camera: Camera được bố trí khu vực hành lang đảm bảo góc nhìn tối ưu. Sử dụng bộ đầu ghi cho phép ghi chép dữ liệu và màn hình hiện thị hình ảnh có độ phân giải cao.

- Hệ thống mạng Lan, Internet: tuyến cáp do nhà phân phối dịch vụ các tới các thiết bị xử lý tín hiệu mạng, sau đó phân phối theo đường truyền mạng đầu nối tới các phòng thông qua các zắc mạng và thiết bị phát Wifi.

c) Phần cấp thoát nước:

- Cấp nước: Nước cấp cho công trình được lấy từ bể ngầm bơm lên téc nước trên mái và cấp xuống thiết bị dùng nước tại khu vệ sinh.

- Thoát nước thải từ xí, tiểu được thu vào hệ thống đường ống riêng qua bể tự hoại xử lý và thoát ra rãnh thoát nước chung. Nước thải từ phễu sàn, lavabo được thu vào đường ống và thải trực tiếp ra rãnh thoát nước bên ngoài. Ống thoát nước sử dụng ống nhựa PVC. Nước mưa trên mái được thu về sânô xung quanh mái, vào các ống đứng thoát nước PVC và thải ra rãnh thoát nước bên ngoài.

e) Phần Phòng cháy chữa cháy:

- Lắp đặt hệ thống báo cháy, báo nhiệt tự động; lắp đặt họng chữa cháy, bình chữa cháy, tiêu lệnh, nội quy chữa cháy.

- Lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ lối thoát nạn Exit.

### **9.5. Tháp Ánh ten:**

- Tháp Ánh ten kích thước mặt chân đế (giàn thép): 6,0x6,0m<sup>2</sup>. Chiều cao tháp tính từ cốt -0.350 đến đỉnh mái: 36,0m.

- Kết cấu phần móng tháp sử dụng móng cọc BTCT, bê tông cọc mác 250# đá 1x2; bê tông đài móng mác 300# đá 1x2. Cọc tiết diện 0,25x0,25m; chiều dài cọc: 18,0m gồm 3 đoạn. Sức chịu tải của cọc: 30 tấn. Đài cọc kích thước: 6,75x6,75m cao 1,5m.

- Kết cấu phân thân tháp sử dụng khung giàn thép, thanh giàn thép sử dụng thép L100x7mm, L130x12mm, L90x7mm, L75x6,... Các liên kết sử dụng đường hàn, bu lông, bản mã.

- Hệ thống chống sét sử dụng kim thu sét D12 bố trí trên đỉnh tháp. Dây dẫn sét thép D10, Cọc tiếp địa thép 63x63x6. Bố trí lắp đèn hệ đèn báo không đảm bảo an toàn.

**10. Giá trị dự toán: 52.366.605.000 đồng**

*(Năm mươi hai tỷ, ba trăm sáu mươi sáu triệu, sáu trăm lẻ năm nghìn đồng)*

Trong đó:

- Chi phí xây lắp	45.096.631.000 đ
- Chi phí thiết bị	619.500.000 đ
- Chi phí QLDA	795.461.000 đ
- Chi phí TVĐTXD	2.119.430.000 đ
- Chi phí khác	355.512.000 đ
- Chi phí dự phòng	3.380.071.000 đ

*(có biểu chi tiết kèm theo)*

**11. Nguồn vốn:** Ngân sách tỉnh hỗ trợ tối đa 20 tỷ đồng, phần còn lại do ngân sách huyện đảm nhận.

**12. Hình thức quản lý dự án:** Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện.

**13. Danh mục quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng:** Chấp thuận danh mục các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng cho dự án theo đề nghị của Ban QLDA ĐTXD huyện tại Tờ trình số 413/TTr-BQLDA ngày 19/8/2021 (kèm theo hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công).

**Điều 2.** Giao Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện các bước tiếp theo của dự án theo đúng Luật Xây dựng và các quy định hiện hành của pháp luật.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài chính - Kế hoạch; Giám đốc kho bạc nhà nước Triệu Sơn; Giám đốc Ban QLDA ĐTXD huyện và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3 QĐ;
- Các PCT UBND huyện;
- Lưu: VT, KTHT.

**CHỦ TỊCH**

**Vũ Đức Kính**

**DỰ TOÁN**  
**CÔNG TRÌNH: CỔNG, TƯỜNG RÀO, NHÀ BẢO VỆ, NHÀ VĂN HÓA - THỂ THAO, NHÀ THI ĐẤU, THÁP ĂNG TEN**  
**THUỘC DỰ ÁN: KHU VĂN HÓA - THỂ THAO HUYỆN TRIỆU SƠN**

*Đơn vị tính: đồng*

TT	THÀNH PHẦN CHI PHÍ	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ VAT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ
<b>I</b>	<b>CHI PHÍ XÂY DỰNG</b>	<b>40.996.937.273</b>	<b>4.099.693.727</b>	<b>45.096.631.000</b>
1	Cổng chính + Cổng phụ + tường rào	2.410.910.909	241.091.091	2.652.002.000
2	Nhà bảo vệ	106.617.273	10.661.727	117.279.000
3	Nhà văn hóa thể thao	6.607.319.091	660.731.909	7.268.051.000
4	Nhà thi đấu	31.240.141.818	3.124.014.182	34.364.156.000
5	Tháp ăngten	631.948.182	63.194.818	695.143.000
<b>II</b>	<b>CHI PHÍ THIẾT BỊ</b>	<b>563.181.818</b>	<b>56.318.182</b>	<b>619.500.000</b>
<b>III</b>	<b>CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN</b>	<b>795.460.679</b>		<b>795.461.000</b>
<b>IV</b>	<b>CHI PHÍ TV ĐTXD</b>	<b>1.926.754.474</b>	<b>192.675.447</b>	<b>2.119.430.000</b>
1	Lập thiết kế BVTC và DT	991.715.913	99.171.591	1.090.887.504
2	Thẩm tra thiết kế BVTC	57.805.682	5.780.568	63.586.250
3	Thẩm tra dự toán	56.575.773	5.657.577	62.233.351
4	Giám sát thi công xây dựng	750.653.921	75.065.392	825.719.314
5	Giám sát lắp đặt thiết bị	4.753.255	475.325	5.228.580
6	Lập HSMT và đánh giá HSDT gói thầu tư vấn thiết kế BVTC	6.614.745	661.475	7.276.220
7	Lập HSMT và đánh giá HSDT gói thầu thi công xây dựng	51.246.172	5.124.617	56.370.789
8	Lập HSMT và đánh giá HSDT gói thầu lắp đặt thiết bị	2.066.877	206.688	2.273.565
9	Lập HSMT và đánh giá HSDT gói thầu giám sát thi công xây dựng	5.322.136	532.214	5.854.350
<b>V</b>	<b>CHI PHÍ KHÁC</b>	<b>335.968.859</b>	<b>19.543.284</b>	<b>355.512.000</b>
2	Thẩm định HSMT và kết quả LCNT gói thầu tư vấn lập TK BVTC và DT	2.000.000		2.000.000
1	Thẩm định HSMT và kết quả LCNT gói thầu thi công xây dựng	40.996.937		40.996.937
4	Thẩm định HSMT và kết quả LCNT gói thầu lắp đặt thiết bị	2.000.000		2.000.000
2	Thẩm định HSMT và kết quả LCNT gói thầu giám sát thi công xây dựng	2.000.000		2.000.000
3	Chi phí kiểm tra của cơ quan QLNN	37.770.359		37.770.359
4	Bảo hiểm công trình	32.797.550	3.279.755	36.077.305

<b>TT</b>	<b>THÀNH PHẦN CHI PHÍ</b>	<b>GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ</b>	<b>THUẾ VAT</b>	<b>GIÁ TRỊ SAU THUẾ</b>
5	Thẩm duyệt PCCC	2.618.330		2.618.330
6	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	53.150.390		53.150.390
7	Kiểm toán	162.635.293	16.263.529	178.898.823
<b>VI</b>	<b>CHI PHÍ DỰ PHÒNG</b>	<b>3.078.662.914</b>	<b>301.407.914</b>	<b>3.380.071.000</b>
1	Dự phòng do phát sinh khối lượng	2.230.915.155	218.411.532	2.449.326.700
2	Dự phòng do yếu tố trượt giá	847.747.759	82.996.382	930.744.146
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>47.696.966.017</b>	<b>4.669.638.555</b>	<b>52.366.605.000</b>

*Năm mươi hai tỷ, ba trăm sáu mươi sáu triệu, sáu trăm lẻ năm nghìn đồng chẵn./.*